

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 232/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 09 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép đổi tên Hội Bảo trợ người khuyết tật và Trẻ mồ côi tỉnh
Kon Tum và phê duyệt Điều lệ Hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Hội Bảo trợ người khuyết tật và Trẻ mồ côi tỉnh Kon Tum và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Hội Bảo trợ người khuyết tật và Trẻ mồ côi tỉnh Kon Tum thành Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum và phê duyệt Điều lệ Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum đã được Đại hội bất thường của Hội thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *na*

- Như Điều 3 (t/h);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH3, VX3.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa

ĐIỀU LỆ
HỘI BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT
TỈNH KON TUM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum.
2. Tên viết tắt: Hội BVQTE & BTNKT tỉnh Kon Tum.
3. Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ Người khuyết tật tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội từ thiện nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, công dân, tổ chức có tâm huyết, tự nguyện hoạt động, phấn đấu vì mục đích làm cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản; tham gia ngăn chặn mọi hành vi xâm hại quyền trẻ em, người khuyết tật theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế đã phê chuẩn. Tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh; các tổ chức từ thiện nước ngoài tham gia các hoạt động theo quy định nhằm trợ giúp người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về vật chất, tinh thần để họ hòa nhập cộng đồng xã hội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại số nhà 413, đường U Re, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum, trong lĩnh vực Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội chịu sự lãnh đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của Hội theo qui định của pháp luật.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước và thực hiện các dịch vụ công theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động tư vấn những vấn đề liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em, quyền người khuyết tật và tham gia khuyến nghị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người khuyết tật theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc tỉnh Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được xây dựng quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động sản xuất, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được đề nghị, kiến nghị với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các nguy cơ, hành vi ngược đãi, xâm hại tính mạng, thân thể, nhân phẩm trẻ em theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em là nạn nhân của hành vi nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, tập huấn kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Tham gia giám sát việc thực hiện quyền trẻ em, người khuyết tật theo quy định của pháp luật. Có chính kiến về những vụ việc vi phạm quyền trẻ em và tham gia ngăn chặn mọi hành vi gây tổn hại cho trẻ em, người khuyết tật theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

a. Hội viên chính thức: Là công dân trên địa bàn tỉnh có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn tham gia Hội, được Hội công nhận là hội viên chính thức của Hội.

b. Hội viên liên kết: Tổ chức, doanh nghiệp, công dân trên địa bàn tỉnh không có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội; tán thành Điều lệ Hội, tình nguyện hợp tác, lồng ghép hoạt động bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật vào hoạt động của tổ chức mình, tự nguyện xin vào Hội và có văn bản cử người đại diện tham gia Hội được công nhận là hội viên liên kết của Hội;

c. Hội viên danh dự: Công dân trong tỉnh có uy tín trong xã hội, có đóng góp cho Hội, nhưng không có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Là công dân trên địa bàn tỉnh có tâm huyết, trách nhiệm, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia các hoạt động bảo vệ quyền trẻ em, bảo trợ người khuyết tật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; có điều kiện tham gia công tác, hoạt động của Hội thường xuyên.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận và quyết định các chủ trương công tác của hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và ban kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện thông tin báo cáo theo quy định của hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Thủ tục thẩm quyền kết nạp hội viên: Công dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh, đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 8 Điều lệ này nếu tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Hội gửi Ban Thường vụ Hội (thông qua cơ quan Thường trực Hội), được Hội xem xét, kết nạp hội viên của Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội: Khi hội viên thấy không còn đủ điều kiện tham gia hoạt động Hội, làm đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Thường vụ (thông qua cơ quan Thường trực Hội), được Hội xem xét, chấp thuận.

3. Hội viên bị Hội chấm dứt tư cách hội viên khi:

a. Hội viên tổ chức bị phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;

b. Hội viên bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất quyền công dân;

c. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội và quy định của pháp luật bị Hội khai trừ.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Hội gồm các chi hội trực thuộc.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần; Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a. Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b. Thảo luận và thông qua Điều lệ, Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia tách sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c. Thảo luận và thông qua báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội.

d. Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.

đ. Các nội dung khác (nếu có).

e. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành tỉnh Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a. Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b. Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d. Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 20% (hai mươi) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a. Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Ban Chấp hành mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c. Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a. Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b. Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c. Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a. Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Ban Thường vụ 3 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c. Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Thường trực Hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội:

a. Thường trực Hội điều hành các hoạt động của Hội theo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các hoạt động do các cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có).

b. Tùy theo nhu cầu hoạt động của Hội và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Hội về cơ cấu tổ chức của Hội, Thường trực Hội quyết định số lượng nhân viên để tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Số lượng nhân viên do Thường trực Hội thống nhất và Chủ tịch Hội ra quyết định.

c. Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d. Kinh phí hoạt động của cơ quan Thường trực Hội từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ, trích quỹ Hội theo quy chế quản lý, sử dụng quỹ Hội và theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội:

a. Thường trực Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Thường trực Hội 01 (một) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc đề nghị của các thành viên trong Thường trực Hội.

Điều 17. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội: Văn phòng, ban chuyên môn là bộ phận tham mưu, giúp việc để triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo

quy chế do Ban Thường vụ quy định phù hợp với điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội quyết định thành lập văn phòng, các ban chuyên môn, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo văn phòng, các ban chuyên môn phù hợp với điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức trực thuộc Hội

a. Các tổ chức trực thuộc Hội gồm: Các chi hội cơ sở.

b. Khi cần thiết và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành về cơ cấu tổ chức của Hội, Ban Thường vụ Hội quyết định việc thành lập chi hội trực thuộc.

c. Chi hội là đơn vị cơ sở trực thuộc tinh Hội không có tư cách pháp nhân được thành lập ở cơ quan, tổ chức, địa phương khi có ít nhất từ 9 (chín) hội viên trở lên. Chi hội có thể bầu Chi hội trưởng, nếu cần thiết bầu Chi hội phó. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể việc thành lập chi hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d. Ban Thường vụ Hội ban hành quy định về tổ chức, hoạt động của chi hội trực thuộc.

Điều 18. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b. Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b. Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi

hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c. Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d. Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Thư ký

Thư ký do Ban Chấp hành bầu theo đề nghị của Chủ tịch Hội, nhiệm vụ của Thư ký:

a. Phụ trách, điều hành văn phòng Hội;

b. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; chuẩn bị các báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo hàng năm và nhiệm kỳ của Hội; chuẩn bị các điều kiện phục vụ các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Thường trực.

Chương V

CHIA TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a. Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

- Tiền, hiện vật tài trợ, ủng hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b. Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Hội; tập thể, cá nhân nhà tài trợ tích cực ủng hộ quỹ Hội hoặc trực tiếp trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội, làm thất thoát tài chính, tài sản và tổn hại đến hình ảnh, uy tín của Hội, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum gồm 8 Chương, 27 Điều đã được Đại hội Đại biểu bất thường Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại hội trường liên cơ quan số 413, đường U Re, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa